TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **380**/2020/LĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2020.
Về việc: "Tranh chấp tiền lương"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Bà **Lê Thị Khanh**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Thu Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn****, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Tâm**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã mở phiên tòa xét xử vụ án lao động thụ lý số: 402/2020/TLST-LĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 567/2020/QĐLĐ-ST ngày 21/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 379/2020/QĐLĐ-ST ngày 07/9/2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Hồng T,** sinh năm 1996;

Địa chỉ: khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thới Tây 1, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Bị đơn*: **Công ty trách nhiệm hữu hạn N**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **HUR UN K**.

Địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T có đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Duy M trình bày:

Bà Lê Thị Hồng T vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn N từ ngày 17/5/2016 có ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Công việc của bà Lê Thị Hồng T là công nhân may mẫu, lương tháng 6.400.000 đồng.

Bà Lê Thị Hồng T đi làm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N bình thường nhưng đến ngày 17/3/2020 thì Công ty ngừng hoạt động, không có báo trước. Công ty vẫn chưa thanh toán số tiền lương đến ngày 17/3/2020 cho bà Lê Thị Hồng T số tiền là 6.071.789 đồng.

Do đó, bà Lê Thị Hồng T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải thanh toán cho bà Lê Thị Hồng T số tiền lương còn nợ là 6.071.789 đồng.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn N vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn đã cố tình không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T và Công ty TNHH N là tranh chấp lao động về tiền lương được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 200 Bộ luật lao động 2012 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có trụ sở tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn nên Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp về tiền lương. Trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết, ngày 15/6/2020 hòa giải viên lao động tiến hành thủ tục hòa giải nhưng hòa giải không thành do một bên vắng mặt. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Lao động 2012 và khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc công khai chứng cứ và phiên hòa giải, Quyết

định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn N vắng mặt không lý do. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lương còn nợ 6.071.789 đồng đồng. Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn có trả lương cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện dựa trên các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án tiến hành thu thập được theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện có đủ cơ sở chứng minh nguyên đơn vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn N từ ngày ngày 17/5/2016 có ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Công việc của bà Lê Thị Hồng T là công nhân may mẫu lương tháng 6.400.000 đồng.

Căn cứ bảng lương do đại diện phòng nhân sự của Công ty là bà Võ Thị Hoài Trinh (Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn của Công ty TNHH N) trích xuất từ máy tính của công ty, thể hiện tiền lương 16% của tháng 02/2020 và 13 ngày làm việc của tháng 3/2020 bà Tươi chưa được Công ty thanh toán là 6.071.789 đồng. Như vậy, số tiền lương 6.071.789 đồng Công ty còn nợ của bà Tươi là có thật. Vì vậy, bà Tươi khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH N thanh toán tiền lương từ tháng 02/2020 đến ngày 16/3/2020 với số tiền là 6.071.789 đồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 90 và Điều 96 Bộ luật Lao động năm 2012, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền lương còn nợ là 6.071.789 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, đây cũng là yêu cầu được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 238, Điều 273 và Điều 482 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 90, Điều 96, Điều 200 và Điều 201 Bộ luật Lao động 2012;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T.

Buộc Công ty TNHH N thanh toán cho bà Lê Thị Hồng T tiền lương (của 16% lương tháng 02/2020 và 13 ngày làm việc của tháng 3/2020) với số tiền là 6.071.789 đồng (sáu triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm tám chín đồng), thi hành 01 lần tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Quyết định này được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí lao động sơ thẩm. Bị đơn Công ty TNHH N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Liên Quân